VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 02/2019/TT-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2019 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng

(Tiếp theo Công báo số 433 + 434)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Cữ	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 54"	106° 32' 52"					F-48-82-A-a
thôn Dụ Nghĩa 1	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 33"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
thôn Dụ Nghĩa 2	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 37"	106° 33' 51"					F-48-82-A-a
thôn Dụ Nghĩa 3	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 45"	106° 33' 36"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Dụ Nghĩa 4	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 40"	106° 33' 21"					F-48-82-A-a
thôn Kim Sơn	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 56' 10"	106° 32' 41"					F-48-82-A-a
thôn Phí Xá	DC	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 55' 42"	106° 33' 06"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Tàu thủy Đông Á	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 56' 12"	106° 33' 00"					F-48-82-A-a
Đình Cữ	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 55"	106° 32' 52"					F-48-82-A-a
đình Dụ Nghĩa	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 39"	106° 33' 41"					F-48-82-A-a
đò Nống 2	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 56' 09"	106° 33' 13"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Lê Thiện (khu vực 1)	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 55' 32"	106° 33' 07"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Lê Thiện (khu vực 2)	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 53"	106° 33' 04"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Lê Thiện (khu vực 3)	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 54' 36"	106° 33' 42"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Lê Thiện	KX	xã Lê Thiện	H. An Dương	20° 55' 40"	106° 33' 11"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh An Kim Hải (sông Văn Dương)	TV	xã Lê Thiện	H. An Dương			20° 56' 19"	106° 32' 27"	20° 55' 11"	106° 32' 21"	F-48-82-A-a
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã Lê Thiện	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Lê Thiện	H. An Dương			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
thôn Cách Hạ	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 24"	106° 36' 23"					F-48-82-A-c
thôn Cách Thượng	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 03"	106° 36' 05"					F-48-82-A-a
thôn Cống Mỹ	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 57"	106° 36' 40"					F-48-82-A-a
thôn Lương Quán	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 32"	106° 36' 47"					F-48-82-A-a
thôn Mỹ Tranh	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 35"	106° 37' 06"					F-48-82-A-a
thôn Quỳnh Hoàng	DC	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 31"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
Cầu Cách	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 22"	106° 35' 45"					F-48-82-A-a
cầu vượt Quán Toan	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 11"	106° 35' 43"					F-48-82-A-a
chùa Cống Mỹ	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 48"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a
đình Cách Hạ	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 27"	106° 36' 24"					F-48-82-A-c
đình Cách Thượng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 06"	106° 36' 06"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Cống Mỹ	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 58"	106° 36' 43"					F-48-82-A-a
đình Mỹ Tranh	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 37"	106° 37' 03"					F-48-82-A-a
Đình Nam	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 27"	106° 36' 48"					F-48-82-A-c
đình Quỳnh Hoàng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 31"	106° 35' 59"					F-48-82-A-a
Đình Thượng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 37"	106° 36' 40"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 351	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
đường Trương Văn Lực	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 52' 29"	106° 36' 45"	20° 52' 14"	106° 38' 09"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
ga Vật Cách Thượng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 53' 06"	106° 36' 12"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a
Trường Cao đẳng Nghề Du lịch Hải Phòng	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 50"	106° 36' 17"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Nam Sơn	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 29"	106° 36' 24"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Nam Sơn	KX	xã Nam Sơn	H. An Dương	20° 52' 31"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	xã Nam Sơn	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c
thôn Kiều Hạ 1	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 52"	106° 35' 51"					F-48-82-A-c
thôn Kiều Hạ 2	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 54"	106° 36' 19"					F-48-82-A-c
thôn Kiều Thượng	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 49"	106° 35' 41"					F-48-82-A-c
thôn Nhu Kiều	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 48"	106° 35' 14"					F-48-82-A-c
thôn Văn Xá	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 05"	106° 35' 29"					F-48-82-A-c
Xóm 1	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 06"	106° 36' 30"					F-48-82-A-c
chùa Kiều Hạ	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 40"	106° 36' 08"					F-48-82-A-c
đình Kiều Hạ	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 42"	106° 36' 01"					F-48-82-A-c
đình Nhu Kiều	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 54"	106° 35' 31"					F-48-82-A-c
đình Nhu Thượng	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 46"	106° 35' 37"					F-48-82-A-c
đình Văn Xá	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 56"	106° 35' 31"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Quốc Tuấn (Cơ sở 1)	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 49' 53"	106° 36' 10"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Quốc Tuấn (Cơ sở 2)	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 16"	106° 35' 40"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Quốc Tuấn (Cơ sở 3)	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 35' 34"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Dương	20° 50' 19"	106° 35' 36"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Quốc Tuấn	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
Thôn Bắc	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 57"	106° 34' 40"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 1	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 36"	106° 35' 14"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 2	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 31"	106° 35' 14"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 3	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 26"	106° 35' 11"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 4	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 15"	106° 35' 21"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 5	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 31"	106° 34' 59"					F-48-82-A-a
thôn Do Nha 6	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 37"	106° 35' 27"					F-48-82-A-a
Thôn Đông	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 44"	106° 34' 44"					F-48-82-A-a
thôn Kinh Giao 1	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 06"	106° 34' 18"					F-48-82-A-a
thôn Kinh Giao 2	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 04"	106° 34' 33"					F-48-82-A-a
Thôn Nam	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 27"	106° 34' 34"					F-48-82-A-a
Thôn Tây	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 43"	106° 34' 32"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vụ Bản	DC	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 38"	106° 34' 17"					F-48-82-A-a
Cầu Cách	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 22"	106° 35' 45"					F-48-82-A-a
Cầu Hỗ	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 01"	106° 34' 00"					F-48-82-A-a
cầu Quán Toan	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 29"	106° 35' 35"					F-48-82-A-a
chợ Tân Tiến	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 11"	106° 34' 20"					F-48-82-A-a
chùa Do Nha	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 32"	106° 35' 02"					F-48-82-A-a
đình Do Nha	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 31"	106° 35' 02"					F-48-82-A-a
đường Hùng Vương	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-a
Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 54' 07"	106° 35' 26"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Tân Tiến (Cơ sở 1)	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 36"	106° 35' 04"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Tân Tiến (Cơ sở 2)	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 40"	106° 34' 48"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Tân Tiến	KX	xã Tân Tiến	H. An Dương	20° 53' 37"	106° 34' 45"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã Tân Tiến	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a
tổ dân phố Hoàng Xá	DC	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 13"	106° 32' 54"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Quyết Thắng	DC	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 31"	106° 33' 17"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Trung Dũng	DC	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 18"	106° 33' 21"					F-48-82-A-c
Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 36"	106° 33' 13"					F-48-82-A-c
cầu Vàng 1	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 21"	106° 33' 11"					F-48-82-A-c
cầu Vàng 2	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 49"	106° 32' 58"					F-48-82-A-c
chợ thị trấn An Lão	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 19"	106° 33' 18"					F-48-82-A-c
đình Hoàng Xá	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 08"	106° 32' 53"					F-48-82-A-c
Đường huyện 33	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 50' 44"	106° 33' 37"	20° 49' 21"	106° 33' 16"	F-48-82-A-c
Đường huyện 36	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 47' 35"	106° 35' 58"	F-48-82-A-c
đường Lê Lợi	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 20"	106° 33' 20"	20° 49' 27"	106° 33' 28"	F-48-82-A-c
đường Ngô Quyền	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 49' 15"	106° 32' 41"	F-48-82-A-c
đường Nguyễn Chuyên Mỹ	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 49' 06"	106° 33' 19"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Văn Trỗi	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 38"	106° 33' 15"	20° 49' 21"	106° 33' 16"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 357	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 03"	106° 35' 57"	20° 49' 20"	106° 33' 20"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
đường Trần Tất Văn	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 49' 22"	106° 33' 38"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	TT. An Lão	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học thị trấn An Lão	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 08"	106° 33' 16"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Lương Khánh Thiện	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 33' 20"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông An Lão	KX	TT. An Lão	H. An Lão	20° 49' 28"	106° 33' 24"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	TT. An Lão	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
tổ dân phố An Tràng	DC	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 02"	106° 36' 23"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Văn Tràng 1	DC	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 04"	106° 35' 50"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Văn Tràng 2	DC	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 44"	106° 36' 06"					F-48-82-A-c
tổ dân phố Xuân Áng	DC	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 46"	106° 35' 37"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Văn Tràng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 02"	106° 35' 33"					F-48-82-A-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày Sao Vàng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 57"	106° 35' 58"					F-48-82-A-c
đài tưởng niệm Đồng chí Lương Khánh Thiện	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 40"	106° 35' 26"					F-48-82-A-c
đền An Tràng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 55"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
đền Văn Tràng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 14"	106° 35' 33"					F-48-82-A-c
đền Xuân Áng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 53"	106° 35' 22"					F-48-82-A-c
đình Xuân Áng	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 54"	106° 35' 35"					F-48-82-A-c
Đường tỉnh 357	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão			20° 49' 03"	106° 35' 57"	20° 49' 20"	106° 33' 20"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trường Sơn	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 51"	106° 35' 52"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Trường Sơn	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 52"	106° 35' 50"					F-48-82-A-c
Xí nghiệp Tàu Quốc	KX	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 12"	106° 36' 04"					F-48-82-A-c
núi Giếng Dành	SV	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 48' 42"	106° 35' 22"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Xuân Sơn	SV	TT. Trường Sơn	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 34' 35"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	TT. Trường Sơn	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn An Áo	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 36"	106° 37' 42"					F-48-82-A-d
thôn Quán Rẽ	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 57"	106° 36' 42"					F-48-82-A-c
thôn Thạch Lựu 1	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 42"	106° 37' 13"					F-48-82-A-c
thôn Thạch Lựu 2	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 50"	106° 37' 22"					F-48-82-A-c
thôn Thạch Lựu 3	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 31"	106° 37' 06"					F-48-82-A-c
thôn Tiên Cầm 1	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 16"	106° 37' 34"					F-48-82-A-d
thôn Tiên Cầm 2	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 12"	106° 37' 47"					F-48-82-A-d
thôn Tiên Cầm 3	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 08"	106° 37' 35"					F-48-82-A-d
thôn Trung Thanh Lang 1	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 26"	106° 36' 46"					F-48-82-A-c
thôn Trung Thanh Lang 2	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 19"	106° 36' 42"					F-48-82-A-c
thôn Trung Thanh Lang 3	DC	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 06"	106° 36' 46"					F-48-82-A-c
chùa Thạch Lựu	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 33"	106° 37' 02"					F-48-82-A-c
chùa Tiên Cầm	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 13"	106° 37' 27"					F-48-82-A-c
chùa Trung Thanh Lang	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 29"	106° 36' 50"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Hàng Tổng	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 04"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
Đường 39	KX	xã An Thái	H. An Lão			20° 45' 51"	106° 36' 47"	20° 44' 04"	106° 35' 41"	F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã An Thái	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường huyện 405	KX	xã An Thái	H. An Lão			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã An Thái	H. An Lão			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Nguyễn Đốc Tín	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 34"	106° 36' 59"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Chuyên Mỹ	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 35"	106° 37' 02"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 53"	106° 36' 49"					F-48-82-A-c
từ đường Tam Tiến Sỹ	KX	xã An Thái	H. An Lão	20° 45' 40"	106° 37' 17"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã An Thái	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
thôn Bách Phương 1	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 59"	106° 34' 03"					F-48-82-A-c
thôn Bách Phương 2	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 40"	106° 33' 49"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bách Phương 3	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 38"	106° 33' 42"					F-48-82-A-c
thôn Bách Phương 4	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 44"	106° 33' 45"					F-48-82-A-c
thôn Quyết Tiến 1	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 16"	106° 34' 07"					F-48-82-A-c
thôn Quyết Tiến 2	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 25"	106° 34' 02"					F-48-82-A-c
thôn Quyết Tiến 3	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 11"	106° 33' 57"					F-48-82-A-c
thôn Tân An	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 47' 06"	106° 33' 46"					F-48-82-A-c
thôn Trần Phú	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 53"	106° 33' 37"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Sơn 1	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 57"	106° 34' 53"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Sơn 2	DC	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 02"	106° 34' 39"					F-48-82-A-c
chùa Bách Phương	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 40"	106° 33' 29"					F-48-82-A-c
chùa Liễn Luận Trong	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 08"	106° 33' 53"					F-48-82-A-c
đền Bách Phương	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 40"	106° 33' 29"					F-48-82-A-c
đền Liễn Luận Trong	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 08"	106° 33' 53"					F-48-82-A-c
đình Liễn Luận Trong	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 13"	106° 33' 59"					F-48-82-A-c
Đường huyện 36	KX	xã An Thắng	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 47' 35"	106° 35' 58"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã An Thắng	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Cao đẳng Nghề Số 03	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 59"	106° 35' 06"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học An Thắng	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 01"	106° 33' 51"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở An Thắng	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 48' 57"	106° 33' 46"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông Trần Tất Văn	KX	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 20"	106° 33' 52"					F-48-82-A-c
núi Xuân Sơn	SV	xã An Thắng	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 34' 35"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã An Thắng	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
thôn Cao Minh	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 29"	106° 35' 48"					F-48-82-C-a
thôn Độc Lập	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 53"	106° 36' 31"					F-48-82-C-a
thôn Hạnh Thị	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 37"	106° 36' 39"					F-48-82-C-a
thôn Hòa Bình	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 45' 08"	106° 36' 23"					F-48-82-A-c
thôn Khởi Nghĩa	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 19"	106° 35' 46"					F-48-82-C-a
thôn Nam Sơn 1	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 46"	106° 36' 20"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nam Sơn 2	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 43"	106° 36' 11"					F-48-82-C-a
thôn Trần Thành	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 54"	106° 36' 06"					F-48-82-C-a
thôn Văn Khê	DC	xã An Thọ	H. An Lão	20° 45' 03"	106° 35' 57"					F-48-82-A-c
chùa Đại Phường Lang	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 45"	106° 36' 03"					F-48-82-C-a
đình Đại Phường Lang	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 45"	106° 36' 03"					F-48-82-C-a
Đường 39	KX	xã An Thọ	H. An Lão			20° 45' 51"	106° 36' 47"	20° 44' 04"	106° 35' 41"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
Đường 39A	KX	xã An Thọ	H. An Lão			20° 45' 42"	106° 35' 31"	20° 44' 51"	106° 36' 10"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
Đường 39B	KX	xã An Thọ	H. An Lão			20° 45' 59"	106° 36' 03"	20° 44' 57"	106° 36' 23"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a
lăng Lê Khắc Cẩn	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 42"	106° 36' 30"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học An Thọ	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 46"	106° 36' 00"					F-48-82-C-a
Trường Trung học cơ sở Lê Khắc Cẩn	KX	xã An Thọ	H. An Lão	20° 44' 52"	106° 36' 18"					F-48-82-C-a
sông Văn Úc	TV	xã An Thọ	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a
thôn An Luận	DC	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 33"	106° 33' 33"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khúc Giản	DC	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 06"	106° 33' 06"					F-48-82-A-c
thôn Tiên Hội	DC	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 55"	106° 34' 31"					F-48-82-A-c
Xóm Núi	DC	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 14"	106° 33' 42"					F-48-82-A-c
cầu Vàng 2	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 49"	106° 32' 58"					F-48-82-A-c
Đường huyện 31	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 49' 54"	106° 33' 02"	20° 51' 51"	106° 29' 03"	F-48-82-A-c
Đường huyện 33	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 50' 44"	106° 33' 37"	20° 49' 21"	106° 33' 16"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 357	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 49' 03"	106° 35' 57"	20° 49' 20"	106° 33' 20"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
đường Trần Tất Văn	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 49' 22"	106° 33' 38"	F-48-82-A-c
Nhà máy Gốm Gò Công	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 45"	106° 34' 46"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã An Tiến	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học An Tiến (Cơ sở 1)	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 33' 24"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học An Tiến (Cơ sở 2)	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 07"	106° 34' 36"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở An Tiến	KX	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 51"	106° 33' 45"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đầu Ngựa	SV	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 32"	106° 33' 55"					F-48-82-A-c
núi Tiền Nơi	SV	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 53"	106° 34' 50"					F-48-82-A-c
Núi Voi	SV	xã An Tiến	H. An Lão	20° 50' 26"	106° 34' 05"					F-48-82-A-c
núi Xuân Sơn	SV	xã An Tiến	H. An Lão	20° 49' 34"	106° 34' 35"					F-48-82-A-c
kênh Khúc Giản (Sông Cung)	TV	xã An Tiến	H. An Lão			20° 50' 56"	106° 32' 49"	20° 49' 56"	106° 32' 44"	F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã An Tiến	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã An Tiến	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn Đại Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 50' 40"	106° 31' 19"					F-48-82-A-c
thôn Hạ Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 04"	106° 30' 10"					F-48-82-A-c
thôn Ích Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 00"	106° 31' 02"					F-48-82-A-c
thôn Nghĩa Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 01"	106° 30' 34"					F-48-82-A-c
thôn Quán Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 33"	106° 29' 24"					F-48-81-B-d
thôn Thượng Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 34"	106° 30' 41"					F-48-82-A-c
thôn Trực Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 50' 37"	106° 30' 44"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trung Trang	DC	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 50' 38"	106° 30' 06"					F-48-82-A-c
chùa Hạ Trang	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 07"	106° 30' 09"					F-48-82-A-c
đình Đại Trạng	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 50' 35"	106° 31' 10"					F-48-82-A-c
đình Hạ Trang	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 12"	106° 30' 09"					F-48-82-A-c
đình Quán Trang	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 34"	106° 29' 13"					F-48-81-B-d
đình Thượng Trang	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 04"	106° 30' 55"					F-48-82-A-c
Đò Hệ	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 50' 54"	106° 29' 03"					F-48-81-B-d
Đò Lau	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 51"	106° 30' 15"					F-48-82-A-c
đò Quang Hưng	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 49' 59"	106° 31' 23"					F-48-82-A-c
Đường huyện 31	KX	xã Bát Trang	H. An Lão			20° 49' 54"	106° 33' 02"	20° 51' 51"	106° 29' 03"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Bát Trang	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 00"	106° 30' 39"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Bát Trang	KX	xã Bát Trang	H. An Lão	20° 51' 02"	106° 30' 42"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Bát Trang	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	xã Bát Trang	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-81-B-d, F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Bát Trang	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-81-B-d
thôn Cốc Tràng	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 59"	106° 35' 28"					F-48-82-C-a
thôn Côn Lĩnh	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 31"	106° 34' 30"					F-48-82-A-c
thôn Kim Côn	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 41"	106° 34' 08"					F-48-82-A-c
thôn Mông Thượng	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 33"	106° 34' 55"					F-48-82-A-c
thôn Phương Hạ	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 18"	106° 35' 14"					F-48-82-A-c
thôn Tân Thắng	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 33"	106° 33' 56"					F-48-82-A-c
thôn Tôn Lộc	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 45"	106° 35' 23"					F-48-82-C-a
Xóm Trại	DC	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 40"	106° 35' 10"					F-48-82-C-a
Cầu Khuể	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 43"	106° 34' 25"					F-48-82-C-a
chùa Mông Thượng (chùa Hồng Tân)	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 37"	106° 34' 47"					F-48-82-A-c
chùa Tôn Lộc (chùa Kỳ Viên)	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 48"	106° 35' 15"					F-48-82-C-a
đình Cốc Tràng	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 44' 56"	106° 35' 24"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 354	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-C-a, F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Chiến Thắng	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 21"	106° 34' 48"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Chiến Thắng	KX	xã Chiến Thắng	H. An Lão	20° 45' 19"	106° 34' 51"					F-48-82-A-c
kênh trục Sông Ba La (sông Ba La)	TV	xã Chiến Thắng	H. An Lão			20° 46' 10"	106° 33' 16"	20° 47' 01"	106° 34' 31"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Chiến Thắng	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a, F-48-82-A-c
thôn Biều Đa	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 05"	106° 34' 50"					F-48-82-A-c
thôn Kim Châm	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 02"	106° 35' 30"					F-48-82-A-c
thôn Lang Thượng	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 51"	106° 35' 08"					F-48-82-A-c
thôn Minh Khai	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 08"	106° 36' 06"					F-48-82-A-c
thôn Quán Rẽ	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 29"	106° 36' 40"					F-48-82-A-c
thôn Tân Nam	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 42"	106° 35' 52"					F-48-82-A-c
thôn Tiến Lập	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 52"	106° 35' 43"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tiên Hưng	DC	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 27"	106° 35' 49"					F-48-82-A-c
Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 02"	106° 36' 14"					F-48-82-A-c
cầu Nguyệt Áng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 54"	106° 36' 45"					F-48-82-A-c
Chợ Thái	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 47"	106° 35' 36"					F-48-82-A-c
chùa Kim Châm	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 13"	106° 35' 20"					F-48-82-A-c
chùa Phương Lang Thượng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 15"	106° 35' 10"					F-48-82-A-c
chùa Sái Nghi (chùa Viên Giác)	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 47"	106° 35' 40"					F-48-82-A-c
đình Kim Châm	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 58"	106° 35' 19"					F-48-82-A-c
đình Sái Nghi	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 46"	106° 35' 40"					F-48-82-A-c
đình Tiên Hưng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 26"	106° 35' 48"					F-48-82-A-c
Đường 39A	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 45' 42"	106° 35' 31"	20° 44' 51"	106° 36' 10"	F-48-82-A-c
Đường 39B	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 45' 59"	106° 36' 03"	20° 44' 57"	106° 36' 23"	F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện 405	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 354	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 48' 31"	106° 31' 46"	20° 45' 56"	106° 35' 59"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362 (nhánh 2)	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-A-c
nhà truyền thống Mỹ Lang	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 14"	106° 35' 59"					F-48-82-A-c
Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 48"	106° 36' 36"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Mỹ Đức 1	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 49"	106° 35' 50"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Mỹ Đức 2	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 46' 08"	106° 35' 29"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Mỹ Đức	KX	xã Mỹ Đức	H. An Lão	20° 45' 51"	106° 35' 52"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
kênh trục Sông Ba La (sông Ba La)	TV	xã Mỹ Đức	H. An Lão			20° 46' 10"	106° 33' 16"	20° 47' 01"	106° 34' 31"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Câu Thượng	DC	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 59"	106° 29' 59"					F-48-81-B-d
thôn Câu Trung	DC	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 14"	106° 31' 32"					F-48-82-A-c
thôn Quang Khải	DC	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 48"	106° 31' 17"					F-48-82-A-c
đình Câu Trung	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 12"	106° 31' 28"					F-48-82-A-c
đò Quang Hưng	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 59"	106° 31' 23"					F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-81-B-d,
phà Quang Thanh	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 56"	106° 29' 32"					F-48-81-B-d
Trường Tiểu học Quang Hưng	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 52"	106° 30' 08"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Quang Hưng	KX	xã Quang Hưng	H. An Lão	20° 49' 19"	106° 31' 23"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Quang Hưng	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-81-B-d,
sông Văn Úc	TV	xã Quang Hưng	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-81-B-d,
thôn Cát Tiên	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 16"	106° 30' 55"					F-48-82-A-c
thôn Câu Đông	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 24"	106° 31' 20"					F-48-82-A-c
thôn Câu Hạ A	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 51"	106° 31' 46"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Câu Hạ B	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 53"	106° 31' 16"					F-48-82-A-c
thôn Tân Trung	DC	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 29"	106° 31' 46"					F-48-82-A-c
cầu Tiên Cựu	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 47' 19"	106° 30' 56"					F-48-82-A-c
chùa Cát Tiên	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 21"	106° 30' 44"					F-48-82-A-c
chùa Câu Đông	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 34"	106° 31' 08"					F-48-82-A-c
chùa Câu Hạ	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 54"	106° 31' 05"					F-48-82-A-c
đình Câu Hạ	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 54"	106° 31' 25"					F-48-82-A-c
đình Câu Hạ B	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 45"	106° 31' 21"					F-48-82-A-c
Đò Sòi	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 49' 01"	106° 30' 49"					F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 48' 31"	106° 31' 46"	20° 45' 56"	106° 35' 59"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Quang Trung	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 48"	106° 31' 31"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Quang Trung	KX	xã Quang Trung	H. An Lão	20° 48' 24"	106° 31' 38"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Quang Trung	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Bạch Câu	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 47' 21"	106° 32' 36"					F-48-82-A-c
thôn Cẩm Văn	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 16"	106° 31' 58"					F-48-82-A-c
thôn Đâu Kiên	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 49' 01"	106° 32' 20"					F-48-82-A-c
thôn Đông Nham 1	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 20"	106° 32' 33"					F-48-82-A-c
thôn Đông Nham 2	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 11"	106° 32' 51"					F-48-82-A-c
thôn Hạ Câu	DC	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 28"	106° 32' 49"					F-48-82-A-c
chùa Đông Nham	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 13"	106° 32' 34"					F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 48' 31"	106° 31' 46"	20° 45' 56"	106° 35' 59"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 25"	106° 32' 38"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 25"	106° 32' 35"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông Quốc Tuấn	KX	xã Quốc Tuấn	H. An Lão	20° 48' 00"	106° 32' 42"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
sông Văn Úc	TV	xã Quốc Tuấn	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Đại Hoàng 1	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 25"	106° 34' 32"					F-48-82-A-c
thôn Đại Hoàng 2	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 14"	106° 34' 29"					F-48-82-A-c
thôn Đại Hoàng 3	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 11"	106° 34' 38"					F-48-82-A-c
thôn Đại Hoàng 4	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 07"	106° 34' 46"					F-48-82-A-c
thôn Kinh Xuyên	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 20"	106° 34' 08"					F-48-82-A-c
thôn Lai Hạ	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 03"	106° 34' 09"					F-48-82-A-c
thôn Lai Thị	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 31"	106° 34' 40"					F-48-82-A-c
thôn Lai Thượng	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 29"	106° 33' 58"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vị Xuyên	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 47' 59"	106° 34' 20"					F-48-82-A-c
thôn Việt Khê	DC	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 47' 48"	106° 34' 51"					F-48-82-A-c
chùa Lai Thị (chùa Hương Mỹ)	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 33"	106° 34' 42"					F-48-82-A-c
chùa Việt Kê (chùa Bà Đanh)	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 47' 32"	106° 34' 46"					F-48-82-A-c
đình Làng Vị Xuyên	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 14"	106° 34' 24"					F-48-82-A-c
Đường huyện 36	KX	xã Tân Dân	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 47' 35"	106° 35' 58"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Tân Dân	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 13"	106° 34' 26"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tân Dân	KX	xã Tân Dân	H. An Lão	20° 48' 19"	106° 34' 19"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Tân Dân	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
thôn Đại Điền	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 29"	106° 33' 35"					F-48-82-A-c
thôn Du Viên	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 21"	106° 33' 05"					F-48-82-A-c
thôn Kinh Điền	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 59"	106° 33' 14"					F-48-82-A-c
thôn Lương Câu	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 40"	106° 33' 36"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ly Câu	DC	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 48"	106° 33' 56"					F-48-82-A-c
chợ Đường Dài	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 15"	106° 33' 27"					F-48-82-A-c
chùa Khánh Vân	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 51"	106° 33' 26"					F-48-82-A-c
đền Kinh Điền	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 02"	106° 33' 05"					F-48-82-A-c
đình Đại Điền	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 35"	106° 33' 22"					F-48-82-A-c
đình Lương Câu	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 44"	106° 33' 34"					F-48-82-A-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 362	KX	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 48' 31"	106° 31' 46"	20° 45' 56"	106° 35' 59"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Tân Viên	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 12"	106° 33' 28"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Tân Viên	KX	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 47' 10"	106° 33' 26"					F-48-82-A-c
cống Hòa Bình	TV	xã Tân Viên	H. An Lão	20° 46' 15"	106° 33' 10"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
kênh trục Sông Ba La (sông Ba La)	TV	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 46' 10"	106° 33' 16"	20° 47' 01"	106° 34' 31"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Văn Úc	TV	xã Tân Viên	H. An Lão			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-A-c
thôn Đoàn Dũng	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 42"	106° 36' 04"					F-48-82-A-c
thôn Nguyệt Áng 1	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 09"	106° 36' 17"					F-48-82-A-c
thôn Nguyệt Áng 2	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 10"	106° 36' 24"					F-48-82-A-c
thôn Nguyệt Áng 3	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 15"	106° 36' 30"					F-48-82-A-c
thôn Nhất Thượng	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 12"	106° 35' 13"					F-48-82-A-c
thôn Nhị Hải	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 18"	106° 35' 20"					F-48-82-A-c
thôn Phủ Niệm 1	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 20"	106° 35' 57"					F-48-82-A-c
thôn Phủ Niệm 2	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 18"	106° 35' 40"					F-48-82-A-c
thôn Phủ Niệm 3	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 12"	106° 35' 42"					F-48-82-A-c
thôn Tam Sơn	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 25"	106° 35' 35"					F-48-82-A-c
thôn Tứ Trung	DC	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 06"	106° 35' 32"					F-48-82-A-c
cầu Nguyệt Áng	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 46' 54"	106° 36' 45"					F-48-82-A-c
Chùa Nứa (chùa Linh Sơn Tự)	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 30"	106° 35' 32"					F-48-82-A-c
Cụm di tích Trạng Nguyên Trần Tất Văn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 26"	106° 36' 16"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Làng Áng Sơn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 04"	106° 35' 32"					F-48-82-A-c
Đường huyện 36	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão			20° 49' 21"	106° 33' 16"	20° 47' 35"	106° 35' 58"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 354	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
Miếu Phùng	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 15"	106° 35' 26"					F-48-82-A-c
miếu Phùng Trung Đẳng Thần	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 21"	106° 35' 22"					F-48-82-A-c
phố Trần Tất Văn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 46' 55"	106° 36' 46"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Áng Sơn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 19"	106° 35' 41"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trần Tất Văn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 26"	106° 36' 05"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Thái Sơn	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 33"	106° 36' 01"					F-48-82-A-c
từ đường họ Lê Hữu	KX	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 47' 13"	106° 36' 22"					F-48-82-A-c
núi Giếng Dành	SV	xã Thái Sơn	H. An Lão	20° 48' 42"	106° 35' 22"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Thái Sơn	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
thôn Chi Lai	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 35"	106° 34' 16"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hòa Chử	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 51"	106° 32' 44"					F-48-82-A-c
thôn Phương Chử Bắc	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 53"	106° 33' 16"					F-48-82-A-c
thôn Phương Chử Đông	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 48"	106° 33' 41"					F-48-82-A-c
thôn Phương Chử Nam	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 43"	106° 33' 14"					F-48-82-A-c
thôn Phương Chử Tây	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 49"	106° 33' 01"					F-48-82-A-c
thôn Thủy Giang	DC	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 51' 12"	106° 33' 03"					F-48-82-A-c
cầu Trạm Bạc	KX	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 56"	106° 33' 45"					F-48-82-A-c
Chợ Cung	KX	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 55"	106° 32' 54"					F-48-82-A-c
Đường huyện 33	KX	xã Trường Thành	H. An Lão			20° 50' 44"	106° 33' 37"	20° 49' 21"	106° 33' 16"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Trường Thành	H. An Lão			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trường Thành	KX	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 53"	106° 33' 04"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Trường Thành	KX	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 54"	106° 33' 01"					F-48-82-A-c
núi Đầu Ngựa	SV	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 32"	106° 33' 55"					F-48-82-A-c
Núi Voi	SV	xã Trường Thành	H. An Lão	20° 50' 26"	106° 34' 05"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Khúc Giản (Sông Cung)	TV	xã Trường Thành	H. An Lão			20° 50' 56"	106° 32' 49"	20° 49' 56"	106° 32' 44"	F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Trường Thành	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn Đồng Xuân 1	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 26"	106° 31' 44"					F-48-82-A-c
thôn Đồng Xuân 2	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 14"	106° 31' 49"					F-48-82-A-c
thôn Liễu Dinh Bắc	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 51' 39"	106° 32' 32"					F-48-82-A-c
thôn Liễu Dinh Nam	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 51' 22"	106° 32' 28"					F-48-82-A-c
thôn Ngọc Chử 1	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 51' 02"	106° 32' 21"					F-48-82-A-c
thôn Ngọc Chử 2	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 53"	106° 32' 31"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Đài 1	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 14"	106° 32' 08"					F-48-82-A-c
thôn Xuân Đài 2	DC	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 09"	106° 32' 00"					F-48-82-A-c
Chợ Hoa	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 59"	106° 32' 35"					F-48-82-A-c
đình Xuân Đài	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 08"	106° 32' 05"					F-48-82-A-c
Đò Lái	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 52' 04"	106° 32' 03"					F-48-82-A-c
Đường huyện 31	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão			20° 49' 54"	106° 33' 02"	20° 51' 51"	106° 29' 03"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trường Thọ (Cơ sở 1)	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 18"	106° 31' 59"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Trường Thọ (Cơ sở 2)	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 58"	106° 32' 36"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Trường Thọ	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 28"	106° 32' 18"					F-48-82-A-c
từ đường họ Phạm	KX	xã Trường Thọ	H. An Lão	20° 50' 07"	106° 32' 04"					F-48-82-A-c
kênh Khúc Giản (Sông Cung)	TV	xã Trường Thọ	H. An Lão			20° 50' 56"	106° 32' 49"	20° 49' 56"	106° 32' 44"	F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Trường Thọ	H. An Lão			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Trường Thọ	H. An Lão			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
tổ dân phố Cẩm Xuân	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 07"	106° 40' 00"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Cầu Đen Bắc	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 45"	106° 40' 27"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Cầu Đen Nam	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 29"	106° 40' 15"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Hồ Sen	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 07"	106° 40' 20"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Thọ Xuân 1	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 27"	106° 39' 55"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Thọ Xuân 2	DC	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 39' 59"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Đa khoa Kiến Thụy	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 39' 51"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chợ Núi Đối	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 22"	106° 40' 03"					F-48-82-A-d
Cống Đối	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 13"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
Đường huyện 362	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy			20° 45' 53"	106° 44' 18"	20° 45' 11"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
Đường huyện 405	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Đường tỉnh 362	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Trường Tiểu học thị trấn Núi Đối	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 15"	106° 39' 55"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở thị trấn Núi Đối	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 17"	106° 39' 55"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Kiến Thụy	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 19"	106° 39' 56"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	KX	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 05"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
Núi Đối	SV	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy	20° 45' 17"	106° 39' 50"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	TT. Núi Đối	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Thôn 1	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 20"	106° 38' 17"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 36"	106° 38' 25"					F-48-82-C-b
Thôn 3	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 47"	106° 38' 12"					F-48-82-C-b
Thôn 4	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 43"	106° 38' 02"					F-48-82-C-b
Thôn 5	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 34"	106° 38' 05"					F-48-82-C-b
thôn Quán Bơ	DC	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 37' 56"					F-48-82-C-b
chợ Du Lễ	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 38' 00"					F-48-82-C-b
chùa Trúc Am	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 47"	106° 37' 45"					F-48-82-C-b
đền Đồng Mục	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 47"	106° 37' 36"					F-48-82-C-b
Đường huyện 406	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy			20° 45' 44"	106° 38' 18"	20° 44' 18"	106° 37' 58"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Đường tỉnh 362	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-A-c, F-48-82-C-a, F-48-82-C-b
miếu Đoài Du Lễ	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 37' 59"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Đông Du Lễ	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 53"	106° 38' 09"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Du Lễ (Cơ sở 1)	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 34"	106° 38' 04"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Du Lễ (Cơ sở 2)	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 27"	106° 37' 59"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Du Lễ	KX	xã Du Lễ	H. Kiến Thụy	20° 44' 11"	106° 38' 13"					F-48-82-C-b
thôn Đức Phong	DC	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 20"	106° 40' 32"					F-48-82-A-d
thôn Phong Cầu 1	DC	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 34"	106° 41' 01"					F-48-82-A-d
thôn Phong Cầu 2	DC	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 34"	106° 41' 25"					F-48-82-A-d
thôn Phong Quang	DC	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 28"	106° 41' 56"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường huyện 401	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 47' 24"	106° 40' 34"	20° 44' 57"	106° 40' 52"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đại Đồng	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 36"	106° 40' 42"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Đại Đồng	KX	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy	20° 46' 37"	106° 40' 42"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Đại Đồng	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
Thôn 5	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 50"	106° 40' 05"					F-48-82-C-b
thôn Cao Bộ	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 18"	106° 39' 54"					F-48-82-C-b
thôn Cao Tiến	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 37"	106° 39' 26"					F-48-82-C-b
thôn Ngọc Liễn	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 41"	106° 39' 54"					F-48-82-C-b
thôn Nhân Trai	DC	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 07"	106° 40' 08"					F-48-82-C-b
chùa Cao Bộ	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 10"	106° 39' 49"					F-48-82-C-b
chùa Nhân Trai	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 03"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
đình Cao Bộ	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 14"	106° 39' 50"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đại Hà	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 29"	106° 39' 56"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Đại Hà	KX	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy	20° 43' 23"	106° 40' 02"					F-48-82-C-b
kênh Sông Thù (Sông Thù)	TV	xã Đại Hà	H. Kiến Thụy			20° 43' 47"	106° 40' 38"	20° 44' 30"	106° 41' 00"	F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 1	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 39"	106° 43' 28"					F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 2	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 34"	106° 43' 11"					F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 3	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 27"	106° 43' 16"					F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 4	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 26"	106° 43' 04"					F-48-82-C-b
thôn Đại Lộc 5	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 20"	106° 43' 09"					F-48-82-C-b
thôn Đông Tác 1	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 28"	106° 42' 53"					F-48-82-C-b
thôn Đông Tác 2	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 24"	106° 42' 34"					F-48-82-C-b
thôn Quần Mục 1	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 31"	106° 43' 10"					F-48-82-C-b
thôn Quần Mục 2	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 37"	106° 43' 14"					F-48-82-C-b
thôn Quần Mục 3	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 41"	106° 43' 28"					F-48-82-C-b
thôn Quần Mục 4	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 45"	106° 43' 34"					F-48-82-C-b
thôn Việt Tiến 1	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 12"	106° 43' 14"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Việt Tiến 2	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 50"	106° 42' 50"					F-48-82-C-b
thôn Việt Tiến 3	DC	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 08"	106° 42' 47"					F-48-82-C-b
chùa Đại Lộc	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 34"	106° 43' 16"					F-48-82-C-b
chùa Đông Tác	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 22"	106° 42' 39"					F-48-82-C-b
chùa Quần Mục	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 39"	106° 43' 18"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
nhà thờ Đông Tác	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 41' 24"	106° 42' 51"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đại Hợp	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 23"	106° 43' 01"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Đại Hợp	KX	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy	20° 42' 18"	106° 42' 58"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Đại Hợp	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn Đắc Lộc 1	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 43"	106° 42' 23"					F-48-82-C-b
thôn Đắc Lộc 2	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 52"	106° 42' 29"					F-48-82-C-b
thôn Đoan Xá 1	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 28"	106° 41' 46"					F-48-82-C-b
thôn Đoan Xá 2	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 17"	106° 41' 36"					F-48-82-C-b
thôn Đoan Xá 3	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 26"	106° 40' 54"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đoan Xá 4	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 33"	106° 41' 31"					F-48-82-C-b
thôn Đông Xá	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 04"	106° 42' 20"					F-48-82-C-b
thôn Lộc Xá	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 45"	106° 41' 47"					F-48-82-C-b
thôn Nam Hải	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 26"	106° 41' 54"					F-48-82-C-b
thôn Phúc Xá	DC	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 35"	106° 42' 24"					F-48-82-C-b
chợ Thiên Lộc	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 47"	106° 42' 37"					F-48-82-C-b
chùa Đoan Xá	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 37"	106° 41' 43"					F-48-82-C-b
cống Cầu Đen	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 46"	106° 42' 14"					F-48-82-C-b
cống Cổ Tiểu 1	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 22"	106° 41' 00"					F-48-82-C-b
Cống Thông	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 54"	106° 41' 24"					F-48-82-C-b
Đò Đáy	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 39"	106° 41' 22"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đoàn Xá (Khu A)	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 56"	106° 42' 40"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Đoàn Xá (Khu B)	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 42' 28"	106° 41' 37"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Đoàn Xá	KX	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy	20° 41' 58"	106° 42' 25"					F-48-82-C-b
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Đoàn Xá	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn Đại Trà Đức	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 01"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
thôn Đại Trà Hải	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 43"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
thôn Đại Trà Hồng	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 03"	106° 40' 50"					F-48-82-A-d
thôn Đại Trà Sơn	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 50"	106° 40' 47"					F-48-82-A-d
thôn Lạng Côn Hải	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 40"	106° 40' 25"					F-48-82-A-d
thôn Lạng Côn Hà	DC	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 34"	106° 40' 26"					F-48-82-A-d
chùa Đại Linh	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 02"	106° 40' 34"					F-48-82-A-d
chùa Sùng Khánh	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 43"	106° 40' 23"					F-48-82-A-d
đình Đại Trà	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 08"	106° 40' 41"					F-48-82-A-d
đình Lạng Côn	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 43"	106° 40' 23"					F-48-82-A-d
Đò Song	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 30"	106° 40' 01"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện 401	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 47' 24"	106° 40' 34"	20° 44' 57"	106° 40' 52"	F-48-82-A-d
đường Kênh Hòa Bình	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 47' 01"	106° 39' 56"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 363	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đông Phương	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 40"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đông Phương	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 46' 46"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
từ đường Nguyễn Như Quế	KX	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy	20° 47' 05"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Đông Phương	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
thôn Kim Đới 1	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 33"	106° 39' 20"					F-48-82-A-d
thôn Kim Đới 2	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 52"	106° 39' 38"					F-48-82-A-d
thôn Kim Đới 3	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 12"	106° 39' 24"					F-48-82-A-d
thôn Tam Kiệt	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 48"	106° 39' 56"					F-48-82-A-d
thôn Văn Cao	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 58"	106° 38' 34"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Văn Hòa	DC	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 32"	106° 38' 56"					F-48-82-A-d
chợ Văn Hòa	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 39"	106° 39' 02"					F-48-82-A-d
chùa Kim Đới 3	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 23"	106° 39' 35"					F-48-82-A-d
chùa Kim Đới I	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 38"	106° 39' 18"					F-48-82-A-d
chùa Ngọc Long	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 29"	106° 39' 58"					F-48-82-A-d
chùa Quỳnh Hoa	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 02"	106° 39' 49"					F-48-82-A-d
chùa Văn Cao	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 06"	106° 38' 31"					F-48-82-A-d
chùa Văn Hòa	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 25"	106° 38' 57"					F-48-82-A-d
đình Văn Cao	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 53"	106° 38' 39"					F-48-82-A-d
đình Văn Hòa	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 22"	106° 38' 59"					F-48-82-A-d
Đò Song	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 46' 30"	106° 40' 01"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 363	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hữu Bằng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 41"	106° 39' 16"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Hữu Bằng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 41"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
từ đường họ Đặng	KX	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy	20° 45' 35"	106° 39' 01"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Hữu Bằng	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
Thôn 1	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 13"	106° 38' 29"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 07"	106° 38' 38"					F-48-82-C-b
Thôn 3	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
Thôn 4	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 58"	106° 38' 15"					F-48-82-C-b
Thôn 5	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 50"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
Thôn 6	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 37"	106° 38' 25"					F-48-82-C-b
Thôn 7	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 45"	106° 38' 07"					F-48-82-C-b
Thôn 8	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 33"	106° 38' 35"					F-48-82-C-b
Thôn 9	DC	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 42"	106° 38' 58"					F-48-82-C-b
chợ Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 52"	106° 38' 15"					F-48-82-C-b
chùa Tú Đôi	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 56"	106° 38' 08"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cống Đồng Thẻo	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 01"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
cống Hòa Bình	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 15"	106° 37' 38"					F-48-82-C-b
đình Tú Đôi	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 56"	106° 38' 28"					F-48-82-C-b
Đường tỉnh 362	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Kiến Quốc	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 44' 07"	106° 38' 18"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Sỹ	KX	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy	20° 43' 52"	106° 38' 22"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Kiến Quốc	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn Cốc Liễn 1	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 53"	106° 41' 37"					F-48-82-C-b
thôn Cốc Liễn 2	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 01"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 31"	106° 41' 15"					F-48-82-A-d
thôn Tân Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 18"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
thôn Thấp Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 26"	106° 41' 32"					F-48-82-A-d
thôn Thọ Linh	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 32"	106° 40' 56"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thống Nhất	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 40' 58"					F-48-82-A-d
thôn Thù Du	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 50"	106° 41' 07"					F-48-82-C-b
thôn Vũ Vị	DC	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 08"	106° 41' 00"					F-48-82-A-d
chùa Cốc Liễn	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 54"	106° 41' 32"					F-48-82-C-b
đình Cốc Liễn	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 44' 52"	106° 41' 33"					F-48-82-C-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường huyện 362	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 45' 53"	106° 44' 18"	20° 45' 11"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
Đường huyện 401	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 47' 24"	106° 40' 34"	20° 44' 57"	106° 40' 52"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 14"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy	20° 45' 12"	106° 41' 19"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Minh Tân	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
thôn Đại Thắng	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 21"	106° 40' 34"					F-48-82-C-b
thôn Đồng Rồi	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 40' 45"					F-48-82-C-b
thôn Đương Thắng	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 09"	106° 40' 30"					F-48-82-C-b
thôn Hòa Nhất	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 43"	106° 41' 02"					F-48-82-C-b
thôn Tiền Anh	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 35"	106° 41' 00"					F-48-82-C-b
Thôn Trúc	DC	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 30"	106° 40' 34"					F-48-82-C-b
chùa Cổ Trai	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 42' 58"	106° 40' 15"					F-48-82-C-b
khu tưởng niệm Vương triều Mạc	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 42' 57"	106° 40' 27"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Ngũ Đoan	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 28"	106° 40' 45"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Ngũ Đoan	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 29"	106° 40' 42"					F-48-82-C-b
từ đường họ Mạc	KX	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy	20° 43' 22"	106° 40' 34"					F-48-82-C-b
kênh Sông Thù (Sông Thù)	TV	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy			20° 43' 47"	106° 40' 38"	20° 44' 30"	106° 41' 00"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Ngũ Đoan	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
thôn Mai Dương	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 48"	106° 36' 40"					F-48-82-C-a
thôn Nghi Dương	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 37' 38"					F-48-82-C-b
thôn Xuân Chiếng	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 37' 19"					F-48-82-C-a
thôn Xuân Đoài	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 09"	106° 36' 55"					F-48-82-C-a
thôn Xuân Đông	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 37' 16"					F-48-82-C-a
Xóm Trại	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 30"	106° 37' 05"					F-48-82-C-a
bến đò Sáu	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 42' 44"	106° 36' 37"					F-48-82-C-a
chùa Mai Dương	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 45"	106° 36' 43"					F-48-82-C-a
chùa Xuân Chiếng	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 37' 08"					F-48-82-C-a
đền Chùa Mõ	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 14"	106° 37' 50"					F-48-82-C-b
đình Mai Dương	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 53"	106° 36' 43"					F-48-82-C-a
đình Xuân Chiếng	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 22"	106° 37' 16"					F-48-82-C-a
đình Xuân Đoài	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 04"	106° 36' 47"					F-48-82-C-a
Trường Tiểu học Ngũ Phúc	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 37' 27"					F-48-82-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Ngũ Phúc	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy	20° 43' 59"	106° 37' 35"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Ngũ Phúc	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-a, F-48-82-C-b
thôn Kính Trực	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 16"	106° 43' 36"					F-48-82-C-b
thôn Lão Phong 1	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 43' 18"	106° 41' 57"					F-48-82-C-b
thôn Lão Phong 2	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 03"	106° 42' 20"					F-48-82-C-b
thôn Lão Phú	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 37"	106° 42' 36"					F-48-82-C-b
thôn Thái Lai	DC	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 42' 13"					F-48-82-C-b
chùa Hàm Long	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 01"	106° 42' 08"					F-48-82-C-b
Đầm Bầu	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 11"	106° 43' 15"					F-48-82-C-b
đền Thái Lai	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 30"	106° 42' 01"					F-48-82-C-b
đình Thái Lai	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 35"	106° 42' 09"					F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b
miếu Kính Trực	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 06"	106° 42' 53"					F-48-82-C-b
nhà thờ Lão Phú	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 32"	106° 42' 33"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Tân Phong	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 13"	106° 42' 13"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tân Phong	KX	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy	20° 44' 18"	106° 42' 14"					F-48-82-C-b
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	xã Tân Phong	H. Kiến Thụy			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
thôn Đa Ngư	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 04"	106° 39' 37"					F-48-82-C-b
thôn Kim Sơn	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 42"	106° 39' 43"					F-48-82-C-b
thôn Kỳ Sơn	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 05"	106° 39' 22"					F-48-82-C-b
thôn Ngọc Tỉnh	DC	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 54"	106° 39' 32"					F-48-82-C-b
chùa Kim Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 38"	106° 39' 32"					F-48-82-C-b
chùa Kỳ Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 09"	106° 39' 28"					F-48-82-C-b
chùa Ngọc Tỉnh	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 52"	106° 39' 27"					F-48-82-C-b
đình Kim Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 45"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
đình Kỳ Sơn	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 43' 08"	106° 39' 23"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường huyện 403	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
phà Dương Áo	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 41' 23"	106° 39' 18"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 50"	106° 39' 41"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tân Trào	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 50"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Duy	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 39"	106° 39' 40"					F-48-82-C-b
từ đường, lăng tổ họ Đoàn Đắc	KX	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy	20° 42' 51"	106° 39' 49"					F-48-82-C-b
sông Văn Úc	TV	xã Tân Trào	H. Kiến Thụy			20° 51' 34"	106° 28' 31"	20° 40' 51"	106° 42' 06"	F-48-82-C-b
thôn Cẩm Hoàn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 37"	106° 40' 07"					F-48-82-C-b
thôn Cẩm La	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 39' 43"					F-48-82-C-b
thôn Xuân La	DC	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 59"	106° 39' 41"					F-48-82-C-b
chùa Bà Sét	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 55"	106° 40' 13"					F-48-82-C-b
chùa Linh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 48"	106° 39' 27"					F-48-82-C-b
chùa Vĩnh Khánh	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 38"	106° 39' 36"					F-48-82-C-b
đình Cẩm Hoàn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 46"	106° 40' 09"					F-48-82-C-b
đình Cẩm La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 27"	106° 39' 43"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Xuân La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 45' 05"	106° 39' 39"					F-48-82-A-d
Đường tỉnh 362	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-C-b
Đường tỉnh 363	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Thanh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 52"	106° 39' 48"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Thanh Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 51"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
văn miếu Xuân La	KX	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 45' 13"	106° 39' 47"					F-48-82-C-b
Núi Chè	SV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 39' 30"					F-48-82-C-b
kênh Sông Thù (Sông Thù)	TV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 43' 47"	106° 40' 38"	20° 44' 30"	106° 41' 00"	F-48-82-C-b
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Thanh Sơn	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-C-b
thôn Hòa Liễu	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 31"	106° 38' 31"					F-48-82-A-d
thôn Úc Gián	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 25"	106° 37' 46"					F-48-82-A-d
thôn Xuân Úc	DC	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 59"	106° 37' 43"					F-48-82-A-d
chùa Hòa Liễu	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 38' 08"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Úc Gián	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 22"	106° 37' 19"					F-48-82-A-c
chùa Xuân Úc	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 08"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
đền Hòa Liễu	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 45' 23"	106° 38' 08"					F-48-82-A-d
Đò Vọ	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 47' 05"	106° 37' 54"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường huyện 405	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 46' 30"	106° 36' 35"	20° 45' 12"	106° 40' 05"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường huyện 406	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 45' 44"	106° 38' 18"	20° 44' 18"	106° 37' 58"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Thuận Thiên	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 05"	106° 37' 53"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Thuận Thiên	KX	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy	20° 46' 07"	106° 37' 53"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	xã Thuận Thiên	H. Kiến Thụy			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
thôn Phương Đôi	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 45' 07"	106° 38' 53"					F-48-82-A-d
thôn Quế Lâm	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 17"	106° 39' 15"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trà Phương	DC	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 41"	106° 39' 07"					F-48-82-C-b
chùa Phương Đôi	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 45' 08"	106° 38' 47"					F-48-82-A-d
chùa Quế Lâm	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 08"	106° 39' 25"					F-48-82-C-b
chùa Trà Phương	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 43"	106° 38' 54"					F-48-82-A-d
Đường tỉnh 362	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy			20° 46' 19"	106° 36' 30"	20° 45' 17"	106° 40' 15"	F-48-82-C-b
Đường tỉnh 363	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Thụy Hương	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 33"	106° 38' 57"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Thụy Hương	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 36"	106° 38' 55"					F-48-82-C-b
Trường Trung học phổ thông Thụy Hương	KX	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 38"	106° 39' 15"					F-48-82-C-b
Núi Chè	SV	xã Thụy Hương	H. Kiến Thụy	20° 44' 44"	106° 39' 30"					F-48-82-C-b
Thôn 1	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 06"	106° 42' 58"					F-48-82-C-b
Thôn 2	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 14"	106° 43' 03"					F-48-82-C-b
Thôn 3	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 04"	106° 43' 25"					F-48-82-C-b
Thôn 4	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 05"	106° 43' 12"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 5	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 52"	106° 43' 20"					F-48-82-C-b
Thôn 6	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 49"	106° 43' 38"					F-48-82-C-b
Thôn 7	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 15"	106° 43' 49"					F-48-82-C-b
Thôn 8	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 23"	106° 43' 56"					F-48-82-C-b
Thôn 9	DC	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 12"	106° 44' 09"					F-48-82-C-b
Bệnh viện Kiến Thụy	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 54"	106° 43' 34"					F-48-82-C-b
chùa Đại Tâm	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 03"	106° 43' 47"					F-48-82-C-b
chùa Đại Thống	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 44"	106° 43' 13"					F-48-82-C-b
chùa Đại Vĩnh	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 20"	106° 43' 46"					F-48-82-C-b
cống Cầu Đen	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 46"	106° 42' 14"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b
miếu Quan Đề Tảo	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 18"	106° 43' 13"					F-48-82-C-b
miếu Tân Khánh Điện	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 06"	106° 43' 22"					F-48-82-C-b
miếu Vua Bà	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 26"	106° 43' 56"					F-48-82-C-b
Trường Tiểu học Tú Sơn (cơ sở 1)	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 59"	106° 43' 30"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Tú Sơn (cơ sở 2)	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 43' 06"	106° 43' 44"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tú Sơn khu 1	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 51"	106° 43' 37"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Tú Sơn khu 2	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 53"	106° 43' 39"					F-48-82-C-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đức Cảnh	KX	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy	20° 42' 48"	106° 43' 30"					F-48-82-C-b
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-C-b
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	xã Tú Sơn	H. Kiến Thụy			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
tổ dân phố Bạch Đằng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 45' 03"					F-48-82-B-a
tổ dân phố Chiến Thắng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 26"	106° 45' 04"					F-48-82-B-a
tổ dân phố Đà Nẵng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 18"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Hoàng Long	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 44' 11"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Hoàng Tôn	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 31"	106° 44' 33"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Phượng Hoàng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 29"	106° 44' 25"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Hùng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 48"	106° 43' 37"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Tâm	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 43"	106° 44' 12"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Thắng	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 04"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Thành	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 57"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Quyết Tiến	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 29"	106° 43' 34"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Thắng Lợi	DC	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 48"	106° 44' 47"					F-48-82-A-b
cầu Tràng Kênh	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 51"	106° 44' 53"					F-48-82-A-b
chợ Tràng Kênh	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 44' 27"					F-48-82-A-b
Công ty cổ phần Hóa chất Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 55"	106° 43' 53"					F-48-82-A-b
Công ty liên danh Xi măng Chinfon	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 37"	106° 45' 30"					F-48-82-B-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đóng tàu Phà Rừng	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 11"	106° 44' 34"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 58"	106° 45' 26"					F-48-82-B-a
Cụm di tích Tràng Kênh Bạch Đằng	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 53"	106° 45' 40"					F-48-82-B-a
đền Trần Quốc Bảo	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 25"	106° 44' 42"					F-48-82-A-b
đường Bạch Đằng	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên			20° 57' 49"	106° 44' 52"	20° 56' 48"	106° 44' 25"	F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học thị trấn Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 19"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở thị trấn Minh Đức	KX	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 20"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
núi Hoàng Tôn	SV	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 30"	106° 44' 40"					F-48-82-A-b
núi Phượng Hoàng	SV	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 29"	106° 43' 54"					F-48-82-A-b
núi Sa Gạc	SV	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 57' 58"	106° 43' 12"					F-48-82-A-b
núi Thần Vì	SV	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên	20° 58' 31"	106° 43' 02"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bạch Đằng	TV	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
Sông Liễu	TV	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên			20° 58' 45"	106° 43' 44"	20° 58' 24"	106° 45' 42"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Sông Thải	TV	TT. Minh Đức	H. Thủy Nguyên			20° 59' 06"	106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
tổ dân phố 25/10	DC	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 09"	106° 40' 14"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Bạch Đằng I	DC	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 20"	106° 40' 40"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Bạch Đằng II	DC	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 14"	106° 40' 39"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Đà Nẵng	DC	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 54' 56"	106° 40' 22"					F-48-82-A-b
tổ dân phố Hàm Long	DC	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 04"	106° 40' 40"					F-48-82-A-b
chùa Hàm Long	KX	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 04"	106° 40' 38"					F-48-82-A-b
đền Phò Mã	KX	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 15"	106° 40' 32"					F-48-82-A-b
Đình Thượng	KX	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 02"	106° 40' 37"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học thị trấn Núi Đèo	KX	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 02"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở thị trấn Núi Đèo	KX	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 54' 57"	106° 40' 26"					F-48-82-A-b
núi Hàm Long	SV	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 06"	106° 40' 34"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	TT. Núi Đèo	H. Thủy Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
thôn An Bình	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 40"	106° 41' 32"					F-48-82-A-b
thôn An Hồ	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 49"	106° 41' 34"					F-48-82-A-b
thôn An Hòa	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 38"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
thôn An Lập	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 30"	106° 41' 48"					F-48-82-A-b
thôn An Lợi	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 47"					F-48-82-A-b
thôn An Nội	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 33"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
thôn An Thắng	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 52"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn An Tiến	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 43"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn An Trại	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 24"	106° 41' 45"					F-48-82-A-b
Thôn Bắc	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 59"	106° 41' 41"					F-48-82-A-b
thôn Cây Đa	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 08"	106° 41' 57"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sáu Phiên	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 53' 39"	106° 42' 07"					F-48-82-A-b
Thôn Sim	DC	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 56' 09"	106° 41' 38"					F-48-82-A-b
chùa An Lư	KX	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 36"					F-48-82-A-b
đền An Lư	KX	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 54"	106° 41' 36"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã An Lư	H. Thủy Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học An Lư	KX	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 53' 48"	106° 42' 11"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở An Lư	KX	xã An Lư	H. Thủy Nguyên	20° 55' 44"	106° 41' 48"					F-48-82-A-b
sông Ruột Lợn	TV	xã An Lư	H. Thủy Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 07"	106° 34' 36"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 09"	106° 34' 25"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 05"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 30"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 50"	106° 34' 39"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 01"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 11"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 26"	106° 34' 06"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 57"	106° 33' 49"					F-48-82-A-a
Thôn 10	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	21° 00' 04"	106° 33' 35"					F-48-70-C-c
Thôn 11	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	21° 00' 09"	106° 33' 18"					F-48-70-C-c
Thôn 12	DC	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 38"	106° 33' 32"					F-48-82-A-a
chợ An Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 15"	106° 34' 19"					F-48-82-A-a
Cụm di tích Trại Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	21° 00' 17"	106° 33' 46"					F-48-70-C-c
đò Bến Dinh	KX	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 14"	106° 33' 40"					F-48-82-A-a
đò Bến Gác	KX	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 50"	106° 33' 10"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Sơn (Khu A)	KX	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 13"	106° 34' 15"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Sơn (Khu B)	KX	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 49"	106° 33' 55"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở An Sơn	KX	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 09"	106° 34' 04"					F-48-82-A-a
núi An Sơn	SV	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 59"	106° 34' 26"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Trại Sơn	SV	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên	21° 00' 24"	106° 33' 42"					F-48-70-C-c
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
sông Hàn Mấu	TV	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	21° 01' 16"	106° 36' 32"	F-48-70-C-c
sông Kinh Thầy	TV	xã An Sơn	H. Thủy Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 55' 47"	106° 37' 01"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 55' 53"	106° 36' 51"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 55' 52"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 03"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 17"	106° 37' 05"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 20"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 36"	106° 37' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 43"	106° 37' 18"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 31"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
chùa Nhân Lý	KX	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 08"	106° 36' 37"					F-48-82-A-a
chùa Thái Lai	KX	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 02"	106° 36' 40"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Thái Lai	KX	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 01"	106° 36' 38"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 352	KX	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Cao Nhân (Khu A)	KX	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 15"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Cao Nhân (Khu B)	KX	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 55' 44"	106° 36' 47"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Cao Nhân	KX	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 10"	106° 37' 05"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Quang Trung	KX	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên	20° 56' 39"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Cao Nhân	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 18"	106° 37' 41"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 16"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 21"	106° 37' 22"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 18"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 5	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 07"	106° 37' 20"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 54"	106° 37' 39"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 40"	106° 37' 51"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 47"	106° 37' 50"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 00"	106° 37' 09"					F-48-82-A-a
Thôn 10	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 46"	106° 37' 18"					F-48-82-A-a
Thôn 11	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 35"	106° 37' 39"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 41"	106° 37' 36"					F-48-82-A-a
cầu Minh Đức	KX	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 34"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
chùa Linh Sơn Tự	KX	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 47"	106° 37' 33"					F-48-82-A-a
đình Hàn Cầu	KX	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 41"	106° 37' 47"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Chính Mỹ	KX	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 13"	106° 37' 25"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Chính Mỹ	KX	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 50"	106° 37' 25"					F-48-82-A-a
núi Dưỡng Chính	SV	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 32"	106° 37' 40"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Giếng Trê	SV	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 57' 51"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
núi Núi Đồn	SV	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 43"	106° 37' 19"					F-48-82-A-a
núi Sơn Đào	SV	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 09"	106° 37' 07"					F-48-82-A-a
đập Minh Đức	TV	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên	20° 58' 34"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Chính Mỹ	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
thôn Áp Tràn	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 46"	106° 41' 28"					F-48-82-A-b
thôn Bắc Vang	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 07"	106° 41' 09"					F-48-82-A-b
thôn Bãi Cát	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 32"	106° 41' 26"					F-48-82-A-b
thôn Chân Lầm	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 23"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
thôn Đầu Cầu	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 38"	106° 41' 21"					F-48-82-A-b
Thôn Đông	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 00"	106° 41' 09"					F-48-82-A-b
thôn Đông Nhà Thờ	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 18"	106° 41' 23"					F-48-82-A-b
thôn Lò Vôi	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 52' 51"	106° 41' 04"					F-48-82-A-b
Thôn Nam	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 45"	106° 41' 06"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tây Giữa	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 56"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
thôn Tây Nhà Thờ	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 13"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b
thôn Thầu Đâu	DC	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 09"	106° 41' 19"					F-48-82-A-b
bến phà Máy Chai	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 52' 43"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b
chùa Tả Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 42"	106° 41' 01"					F-48-82-A-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn Regina Miracle International Việt Nam	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 24"	106° 41' 11"					F-48-82-A-b
đền Tá Lan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 22"	106° 41' 29"					F-48-82-A-b
đình Tả Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 00"	106° 40' 51"					F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Dương Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 45"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Dương Quan	KX	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên	20° 53' 43"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
sông Ruột Lợn	TV	xã Dương Quan	H. Thủy Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 1	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 01"	106° 39' 12"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 06"	106° 39' 15"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 11"	106° 39' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 18"	106° 39' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 24"	106° 39' 33"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 28"	106° 39' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 40"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 47"	106° 38' 31"					F-48-82-A-b
Thôn Núi	DC	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 55' 52"	106° 39' 23"					F-48-82-A-b
đình Thiên Đông	KX	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 10"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
đình Trúc Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 43"	106° 38' 37"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Đông Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 11"	106° 39' 14"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Đông Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 13"	106° 39' 15"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường họ Bùi	KX	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 56' 13"	106° 39' 23"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Đông Sơn	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 59' 28"	106° 43' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 59' 22"	106° 43' 53"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 59' 11"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 59' 03"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 58' 46"	106° 44' 44"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 58' 42"	106° 44' 53"					F-48-82-A-b
chùa Giả Cổ	KX	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 58' 49"	106° 44' 56"					F-48-82-A-b
đình Làng Giá	KX	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 58' 50"	106° 44' 53"					F-48-82-A-b
giáo xứ Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 59' 05"	106° 44' 31"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 59' 13"	106° 44' 06"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Gia Đức	KX	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 59' 12"	106° 44' 09"					F-48-82-A-b
Núi Mã	SV	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên	20° 58' 43"	106° 45' 03"					F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bạch Đằng	TV	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-a
sông Đá Bạc	TV	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Sông Liễu	TV	xã Gia Đức	H. Thủy Nguyên			20° 58' 45"	106° 43' 44"	20° 58' 24"	106° 45' 42"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a
Thôn 1	DC	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 39"	106° 41' 49"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 39"	106° 42' 02"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 35"	106° 42' 21"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 37"	106° 42' 30"					F-48-82-A-b
cầu Đá Bạc	KX	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	21° 00' 24"	106° 41' 03"					F-48-70-C-d
cầu Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 20"	106° 43' 08"					F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 36"	106° 42' 16"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Gia Minh	KX	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 34"	106° 42' 16"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
động Hang Lương	SV	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên	20° 59' 51"	106° 40' 43"					F-48-82-A-b
sông Đá Bạc	TV	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
Sông Thải	TV	xã Gia Minh	H. Thủy Nguyên			20° 59' 06"	106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 20"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 59"	106° 41' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 07"	106° 41' 04"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 46"	106° 40' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 53"	106° 40' 51"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 03"	106° 40' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 28"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 32"	106° 40' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 18"	106° 40' 45"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 27"	106° 40' 46"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 02"	106° 41' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 03"	106° 41' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 13	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 04"	106° 41' 02"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 14	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 06"	106° 40' 52"					F-48-82-A-b
Thôn 15	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 15"	106° 40' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 16	DC	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 14"	106° 40' 22"					F-48-82-A-b
chùa Hà Phú	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 40' 32"					F-48-82-A-b
Chùa Tranh	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
đình Chiếm Phương	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 45"	106° 40' 49"					F-48-82-A-b
đình Hà Luận	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 27"	106° 40' 37"					F-48-82-A-b
Đình Tranh	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 14"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
đình Từ Đông Môn	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b
nghè Hà Phú	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 16"	106° 40' 32"					F-48-82-A-b
phủ Từ Đông Môn	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 50"	106° 41' 12"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Hòa Bình 1	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 02"	106° 40' 56"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Hòa Bình 2	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 57"	106° 40' 53"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Hòa Bình	KX	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 56' 16"	106° 41' 00"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hà Phú	SV	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 57' 08"	106° 40' 58"					F-48-82-A-b
núi Sơn Đào	SV	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên	20° 55' 58"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Hòa Bình	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
thôn Bái Ngoài	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 17"	106° 39' 47"					F-48-82-A-b
thôn Bái Trong	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 22"	106° 39' 36"					F-48-82-A-b
Thôn Chùa	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 50"	106° 39' 27"					F-48-82-A-b
thôn Cổng Đất	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 31"	106° 39' 42"					F-48-82-A-b
thôn Đầm Đền	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 59"	106° 40' 01"					F-48-82-A-b
thôn Đầu Cầu	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 37"	106° 39' 35"					F-48-82-A-b
thôn Đông Hoa	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 40"	106° 39' 49"					F-48-82-A-b
thôn Đồng Quán	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 18"	106° 39' 16"					F-48-82-A-b
thôn Đường Đá	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 54' 11"	106° 39' 37"					F-48-82-A-b
Thôn Giữa	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 54' 02"	106° 39' 31"					F-48-82-A-b
thôn Lâu Làng	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 10"	106° 39' 39"					F-48-82-A-b
thôn Lâu Trại	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 13"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b
thôn Mỹ Cụ	DC	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 29"	106° 39' 25"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cầu Bính	KX	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 52' 35"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b
đình Bính Giáp Động	KX	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 16"	106° 39' 26"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Hoa Động	KX	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 55"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Hoa Động	KX	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 56"	106° 39' 45"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Hoa Động	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 23"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 28"	106° 37' 39"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 37"	106° 37' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 44"	106° 37' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 54' 10"	106° 37' 37"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 54' 05"	106° 37' 42"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 54' 09"	106° 37' 47"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa An Lạc	KX	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 54' 00"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b
chùa Tiên Lữ	KX	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 37"	106° 37' 29"					F-48-82-A-a
đền Hoàng Pha	KX	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 54' 04"	106° 37' 40"					F-48-82-A-b
đình Lôi Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 33"	106° 37' 30"					F-48-82-A-a
miếu Bến Đáy	KX	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 49"	106° 37' 21"					F-48-82-A-a
miếu Bến Đò	KX	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 06"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Hoàng Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 46"	106° 37' 52"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Hoàng Động	KX	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 46"	106° 37' 45"					F-48-82-A-b
hồ Lôi Động	TV	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 35"	106° 37' 28"					F-48-82-A-a
Sông Cấm	TV	xã Hoàng Động	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 56' 35"	106° 36' 35"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 56' 28"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 56' 27"	106° 36' 16"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 56' 13"	106° 36' 17"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 5	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 10"	106° 35' 38"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 01"	106° 36' 02"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 20"	106° 35' 49"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 31"	106° 35' 55"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 29"	106° 35' 45"					F-48-82-A-a
Thôn 10	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 20"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Thôn 11	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 28"	106° 36' 21"					F-48-82-A-a
Thôn 12	DC	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 33"	106° 36' 18"					F-48-82-A-a
chùa Bảo Phúc	KX	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 31"	106° 35' 33"					F-48-82-A-a
chùa Cảnh Linh	KX	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 38"	106° 36' 03"					F-48-82-A-a
chùa Sùng Đức	KX	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 56' 23"	106° 36' 10"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hợp Thành (Khu A)	KX	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 24"	106° 36' 02"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hợp Thành (Khu B)	KX	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 56' 31"	106° 36' 18"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Hợp Thành	KX	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 27"	106° 36' 08"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường Ninh vương Mạc Phúc Tư	KX	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên	20° 57' 35"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a
Sông Cấm	TV	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Hợp Thành	H. Thủy Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 58' 04"	106° 38' 02"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 56"	106° 38' 15"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 55"	106° 38' 26"					F-48-82-A-b
Thôn A2	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 22"	106° 39' 57"					F-48-82-A-b
thôn Chợ Giá	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 48"	106° 39' 19"					F-48-82-A-b
thôn Chu Vườn	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 00"	106° 40' 05"					F-48-82-A-b
thôn Chùa Mới	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 23"	106° 39' 45"					F-48-82-A-b
thôn Chùa Trà Sơn	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 36"	106° 38' 19"					F-48-82-A-b
thôn Đình Trà Sơn	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 32"	106° 38' 29"					F-48-82-A-b
thôn Đình Vàn	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 08"	106° 39' 40"					F-48-82-A-b
thôn Đồng Phản	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 25"	106° 39' 23"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Ngói	DC	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 11"	106° 39' 06"					F-48-82-A-b
Cầu Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 35"	106° 39' 57"					F-48-82-A-b
Chợ Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 49"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
chợ Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 20"	106° 40' 02"					F-48-82-A-b
chùa Trại Kênh	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 10"	106° 39' 54"					F-48-82-A-b
đền Chợ Giá	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 49"	106° 39' 18"					F-48-82-A-b
Đền Nghè	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 58' 03"	106° 38' 37"					F-48-82-A-b
đình Trại Kênh	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 06"	106° 39' 46"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359C	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên			20° 55' 18"	106° 40' 42"	20° 56' 46"	106° 40' 11"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 42"	106° 39' 29"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Kênh Giang	KX	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 30"	106° 39' 44"					F-48-82-A-b
Núi Đình	SV	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên	20° 57' 07"	106° 39' 48"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Kênh Giang	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 54' 53"	106° 38' 09"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 14"	106° 38' 08"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 09"	106° 37' 31"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 32"	106° 37' 38"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 15"	106° 37' 52"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 29"	106° 38' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 41"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Cầu Kiền	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 54' 52"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
chợ Kiền Bái	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 24"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b
Đền Mẫu	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 05"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
Đình Kiền Bái	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 23"	106° 37' 59"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 351	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Kiền Bái	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 21"	106° 37' 59"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Kiền Bái	KX	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên	20° 55' 27"	106° 37' 45"					F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Kiền Bái	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 13"	106° 37' 19"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 54"	106° 37' 04"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 02"	106° 36' 42"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 59"	106° 36' 12"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 17"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
Thôn 6	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 12"	106° 35' 51"					F-48-82-A-a
Thôn 7	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 32"	106° 36' 23"					F-48-82-A-a
Thôn 8	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 47"	106° 36' 09"					F-48-82-A-a
Thôn 9	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	21° 00' 11"	106° 35' 47"					F-48-70-C-c
Thôn 10	DC	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 55"	106° 36' 56"					F-48-82-A-a
chợ Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 04"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
đình Hạ Côi	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 56"	106° 36' 10"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Niêm Sơn Ngoại	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 52"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
đình Niêm Sơn Nội	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 02"	106° 36' 42"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 352	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 16"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Kỳ Sơn	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 13"	106° 36' 05"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Lê Ích Mộc	KX	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 58' 49"	106° 35' 58"					F-48-82-A-a
núi Ba Phủ	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	21° 00' 15"	106° 36' 02"					F-48-70-C-c
Núi Cháy	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 49"	106° 36' 51"					F-48-82-A-a
núi Chợ Giời	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 32"	106° 35' 22"					F-48-82-A-a
núi Đá Vách	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 08"	106° 36' 12"					F-48-82-A-a
núi Niêm Nội	SV	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên	20° 59' 11"	106° 36' 53"					F-48-82-A-a
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-a
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Kỳ Sơn	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a, F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 1	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	20° 59' 28"	106° 35' 11"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	20° 59' 44"	106° 34' 46"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 52"	106° 35' 57"					F-48-70-C-c
Thôn 4	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 38"	106° 34' 55"					F-48-70-C-c
Thôn 5	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 36"	106° 34' 42"					F-48-70-C-c
Thôn 6	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 35"	106° 35' 10"					F-48-70-C-c
Thôn 7	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 28"	106° 35' 15"					F-48-70-C-c
Thôn 8	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 19"	106° 35' 19"					F-48-70-C-c
Thôn 9	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 43"	106° 36' 07"					F-48-70-C-c
Thôn 10	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 40"	106° 36' 34"					F-48-70-C-c
Thôn 11	DC	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 57"	106° 36' 18"					F-48-70-C-c
chùa Doãn Lại	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	20° 59' 47"	106° 34' 37"					F-48-82-A-a
chùa Dương Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 38"	106° 35' 49"					F-48-70-C-c
chùa Phi Liệt	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 29"	106° 36' 36"					F-48-70-C-c
đình Doãn Lại	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	20° 59' 42"	106° 34' 47"					F-48-82-A-a
đình Pháp Cổ	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 41"	106° 35' 05"					F-48-70-C-c
Đường tỉnh 352	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Phà Đụn	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 01' 15"	106° 36' 47"					F-48-70-C-c
Trường Tiểu học Lại Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 46"	106° 36' 23"					F-48-70-C-c
Trường Trung học cơ sở Lại Xuân	KX	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 31"	106° 35' 41"					F-48-70-C-c
núi Ba Phủ	SV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 15"	106° 36' 02"					F-48-70-C-c
núi Chợ Giời	SV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	20° 59' 32"	106° 35' 22"					F-48-82-A-a
Núi Đồn	SV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 38"	106° 36' 19"					F-48-70-C-c
Núi Thậm	SV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 40"	106° 34' 46"					F-48-70-C-c
núi Trại Sơn	SV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên	21° 00' 24"	106° 33' 42"					F-48-70-C-c
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c
sông Đá Bạc	TV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a
sông Hàn Mấu	TV	xã Lại Xuân	H. Thủy Nguyên			21° 00' 16"	106° 33' 16"	21° 01' 16"	106° 36' 32"	F-48-70-C-c
Thôn Đền	DC	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 31"	106° 38' 48"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Đông	DC	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 42"	106° 38' 58"					F-48-82-A-b
Thôn Hầu	DC	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 31"	106° 38' 30"					F-48-82-A-b
thôn Sú 1	DC	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 54' 01"	106° 38' 43"					F-48-82-A-b
thôn Sú 2	DC	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 53"	106° 38' 55"					F-48-82-A-b
chùa Sùng Nguyên	KX	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 45"	106° 38' 41"					F-48-82-A-b
đình Hòa Lạc	KX	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 40"	106° 38' 44"					F-48-82-A-b
Đò Lâm	KX	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 52' 54"	106° 38' 38"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lâm Động	KX	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 45"	106° 38' 39"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Lâm Động	KX	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 44"	106° 38' 28"					F-48-82-A-b
hồ Lâm Động	TV	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên	20° 53' 40"	106° 38' 41"					F-48-82-A-b
Sông Cấm	TV	xã Lâm Động	H. Thủy Nguyên			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b
thôn Bảo Kiếm	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 22"	106° 43' 55"					F-48-82-A-b
thôn Đầu Cầu	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 48"	106° 44' 21"					F-48-82-A-b
thôn Đồng Mới	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 33"	106° 44' 24"					F-48-82-A-b
thôn Đường Hương	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 50"	106° 43' 44"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đường Trường	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 22"	106° 44' 15"					F-48-82-A-b
thôn Lạch Sẽ	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 41"	106° 44' 08"					F-48-82-A-b
thôn Láng Cáp	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 10"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
thôn Mắt Rồng	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 53' 21"	106° 44' 03"					F-48-82-A-b
thôn Tân Lập	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 53' 31"	106° 43' 41"					F-48-82-A-b
xóm Cống Sơn	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 53' 59"	106° 43' 58"					F-48-82-A-b
xóm Đường Na	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 05"	106° 44' 43"					F-48-82-A-b
xóm Hậu Long	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 57"	106° 43' 40"					F-48-82-A-b
xóm Khỏm Cày	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 53' 53"	106° 44' 23"					F-48-82-A-b
xóm Song Đực	DC	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 18"	106° 43' 42"					F-48-82-A-b
cảng cá Mắt Rồng	KX	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 53' 14"	106° 43' 58"					F-48-82-A-b
chợ xã Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 39"	106° 44' 28"					F-48-82-A-b
Khu kinh tế Đình Vũ	KX	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 24"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 36"	106° 44' 15"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Lập Lễ	KX	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên	20° 54' 38"	106° 44' 17"					F-48-82-A-b
sông Bạch Đằng	TV	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ruột Lợn	TV	xã Lập Lễ	H. Thủy Nguyên			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 08"	106° 39' 07"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 25"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 40"	106° 39' 04"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 34"	106° 39' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 25"	106° 39' 17"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	21° 00' 36"	106° 39' 23"					F-48-70-C-d
Thôn 7	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	21° 00' 38"	106° 38' 37"					F-48-70-C-d
Thôn 8	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 56"	106° 38' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 56"	106° 37' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 35"	106° 38' 09"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 25"	106° 38' 23"					F-48-82-A-b
chợ Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 43"	106° 38' 45"					F-48-82-A-b
chùa Mai Động	KX	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 37"	106° 38' 58"					F-48-82-A-b
chùa Thiểm Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 44"	106° 38' 10"					F-48-82-A-b
đền Thụ Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 33"	106° 38' 33"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 44"	106° 38' 39"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Liên Khê	KX	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 39"	106° 38' 46"					F-48-82-A-b
núi Giếng Suối	SV	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 29"	106° 38' 31"					F-48-82-A-b
Núi Gủ	SV	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 17"	106° 39' 01"					F-48-82-A-b
núi Mã Chàng	SV	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 03"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b
núi Ngã Ba	SV	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	20° 59' 46"	106° 37' 58"					F-48-82-A-b
núi Thành Dền	SV	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	21° 00' 37"	106° 37' 44"					F-48-70-C-d
Núi Trẹo	SV	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên	21° 00' 37"	106° 38' 13"					F-48-70-C-d
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-70-C-c, F-48-82-A-a, F-48-82-A-b
sông Đá Bạc	TV	xã Liên Khê	H. Thủy Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-c, F-48-82-C-d
Thôn 1A	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 57' 57"	106° 40' 24"					F-48-82-A-b
Thôn 1B	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 57' 53"	106° 40' 45"					F-48-82-A-b
Thôn Bắc	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 47"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cây Quân	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 36"	106° 39' 41"					F-48-82-A-b
thôn Chợ Tổng	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 05"	106° 40' 14"					F-48-82-A-b
Thôn Dưới	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 25"	106° 39' 41"					F-48-82-A-b
Thôn Giữa	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 17"	106° 39' 58"					F-48-82-A-b
thôn Phúc Nam	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 26"	106° 40' 21"					F-48-82-A-b
thôn Trại Viên	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 59' 13"	106° 39' 51"					F-48-82-A-b
Thôn Trung	DC	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 34"	106° 40' 18"					F-48-82-A-b
Cầu Giá	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 57' 35"	106° 39' 57"					F-48-82-A-b
cầu Hang Lương	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 59' 34"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
Chợ Tổng	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 07"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-b
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Thủy Nguyên	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 57' 57"	106° 40' 03"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Lưu Kiếm	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 15"	106° 40' 01"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Lưu Kiếm	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 58' 21"	106° 40' 14"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Bạch Đằng	KX	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 57' 59"	106° 40' 17"					F-48-82-A-b
núi Mã Chàng	SV	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên	20° 59' 03"	106° 39' 43"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Lưu Kiếm	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b
thôn Bạch Đằng	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	21° 00' 21"	106° 40' 32"					F-48-70-C-d
thôn Đá Bạc	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	21° 00' 17"	106° 40' 43"					F-48-70-C-d
thôn Hàm Long	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	20° 59' 58"	106° 40' 02"					F-48-82-A-b
thôn Hang Lương	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	20° 59' 53"	106° 40' 13"					F-48-82-A-b
thôn Núi Ngọc	DC	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	20° 59' 23"	106° 39' 38"					F-48-82-A-b
cầu Đá Bạc	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	21° 00' 24"	106° 41' 03"					F-48-70-C-d
cầu Hang Lương	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	20° 59' 34"	106° 40' 23"					F-48-82-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Lưu Kỳ	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	20° 59' 47"	106° 40' 15"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Lưu Kỳ	KX	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên	20° 59' 46"	106° 40' 10"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-70-C-d, F-48-82-A-b
sông Đá Bạc	TV	xã Lưu Kỳ	H. Thủy Nguyên			21° 01' 18"	106° 36' 35"	20° 59' 34"	106° 45' 14"	F-48-70-C-d
Thôn 1	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 30"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 41"	106° 42' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 57"	106° 41' 49"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 04"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 56"	106° 41' 27"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 46"	106° 41' 29"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 52"	106° 41' 13"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 17"	106° 41' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 12"	106° 40' 55"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 02"	106° 42' 27"					F-48-82-A-b
Chợ Bến	KX	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 45"	106° 41' 16"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Dãng Trung	KX	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 54"	106° 42' 10"					F-48-82-A-b
Chùa Tây	KX	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 01"	106° 41' 15"					F-48-82-A-b
Đình Tây	KX	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 01"	106° 41' 15"					F-48-82-A-b
đò Trung Hà	KX	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 10"	106° 41' 40"					F-48-82-A-b
đường Tân Đức	KX	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên			20° 58' 01"	106° 40' 08"	20° 57' 40"	106° 44' 52"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 51"	106° 41' 21"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 58"	106° 41' 01"					F-48-82-A-b
hang Áng Vải	SV	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 03"	106° 42' 22"					F-48-82-A-b
Hang Vua	SV	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 59"	106° 42' 04"					F-48-82-A-b
núi Dẹo Cao	SV	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 57' 48"	106° 42' 47"					F-48-82-A-b
núi Hang Ốc	SV	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 32"	106° 42' 21"					F-48-82-A-b
núi Ngà Voi	SV	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên	20° 58' 51"	106° 41' 26"					F-48-82-A-b
kênh Sông Móc (Sông Móc)	TV	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên			21° 00' 26"	106° 39' 45"	20° 57' 27"	106° 41' 12"	F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Thải	TV	xã Minh Tân	H. Thủy Nguyên			20° 59' 06"	106° 41' 29"	20° 57' 48"	106° 45' 48"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 44"	106° 38' 03"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 34"	106° 37' 54"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 27"	106° 37' 57"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 08"	106° 37' 36"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 55' 55"	106° 37' 33"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 14"	106° 37' 58"					F-48-82-A-b
chợ Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 21"	106° 37' 48"					F-48-82-A-b
chùa Đồng Lý	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 55' 57"	106° 37' 13"					F-48-82-A-a
chùa Ngọc Hoa	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 27"	106° 37' 44"					F-48-82-A-b
đình Đồng Lý	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 55' 59"	106° 37' 13"					F-48-82-A-a
đình Phương Mỹ	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 35"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Đường tỉnh 352	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên			20° 55' 24"	106° 38' 30"	21° 01' 10"	106° 36' 44"	F-48-82-A-b
miếu Phương Mỹ	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 35"	106° 38' 07"					F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 25"	106° 37' 46"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Mỹ Đồng	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 13"	106° 37' 41"					F-48-82-A-b
từ đường họ Nguyễn Công	KX	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên	20° 56' 30"	106° 37' 57"					F-48-82-A-b
kênh Hòn Ngọc (sông Hòn Ngọc)	TV	xã Mỹ Đồng	H. Thủy Nguyên			20° 59' 12"	106° 33' 45"	20° 52' 37"	106° 40' 02"	F-48-82-A-b
Thôn 1	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 41"	106° 44' 13"					F-48-82-A-b
Thôn 2	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 32"	106° 44' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 3	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 40"	106° 44' 08"					F-48-82-A-b
Thôn 4	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 34"	106° 44' 07"					F-48-82-A-b
Thôn 5	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 33"	106° 43' 50"					F-48-82-A-b
Thôn 6	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 28"	106° 43' 38"					F-48-82-A-b
Thôn 7	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 24"	106° 43' 29"					F-48-82-A-b
Thôn 8	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 17"	106° 43' 23"					F-48-82-A-b
Thôn 9	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 20"	106° 43' 12"					F-48-82-A-b
Thôn 10	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 15"	106° 43' 14"					F-48-82-A-b
Thôn 11	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 17"	106° 43' 05"					F-48-82-A-b
Thôn 12	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 11"	106° 42' 58"					F-48-82-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 13	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 50"	106° 42' 35"					F-48-82-A-b
Thôn 14	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 49"	106° 44' 22"					F-48-82-A-b
Thôn 15	DC	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 39"	106° 43' 15"					F-48-82-A-b
chùa My Sơn	KX	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 36"	106° 44' 00"					F-48-82-A-b
đường Bạch Đằng	KX	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên			20° 57' 49"	106° 44' 52"	20° 56' 48"	106° 44' 25"	F-48-82-A-b
Đường tỉnh 359	KX	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên			20° 52' 51"	106° 40' 06"	20° 56' 19"	106° 45' 47"	F-48-82-A-b
Trường Tiểu học Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 38"	106° 43' 51"					F-48-82-A-b
Trường Trung học cơ sở Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 29"	106° 43' 26"					F-48-82-A-b
Trường Trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão	KX	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 35"	106° 43' 22"					F-48-82-A-b
núi Chùa Khuông Lư	SV	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 44"	106° 42' 39"					F-48-82-A-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 37"	106° 44' 13"					F-48-82-A-b
Núi Hương	SV	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên	20° 56' 53"	106° 42' 00"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Hồ Sông Giá (Sông Giá)	TV	xã Ngũ Lão	H. Thủy Nguyên			21° 00' 43"	106° 37' 17"	20° 56' 43"	106° 45' 51"	F-48-82-A-b

(Xem tiếp Công báo số 437 + 438)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng